TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HÒA
Bản án số: 60/2023/DS-ST
Ngày: 18/9/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH - TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu

Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Nho Dũng

Ông Nguyễn Lý Xuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cam Ranh tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Nhật – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 134/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B; Địa chỉ: Tòa nhà L, số B T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu T – Chuyên viên khách hàng Chi nhánh K; địa chỉ: số A đường B, TDP T, P. C, Tp ., tỉnh Khánh Hòa (là đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 430/2023/UQ-LBPKH ngày 10/5/2023 của Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh K và Quyết định ủy quyền số 14/2023/QĐ-CTHĐQT ngày 27/4/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP B). Bà T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy V (sinh năm 1985) và ông Nguyễn Thủy T1 (sinh năm 1976); Cùng cư trú tại: Thôn G, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày*: Ông Nguyễn Thủy T1 và bà Nguyễn Thị Thùy V có vay vốn tại Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh K theo Hợp đồng tín dụng số HDTD6112020440 ký ngày 06/10/2020, thời hạn vay 48 tháng, số tiền vay 100.000.000 đồng, mục đích: tiêu dùng – mua sắm đồ gia dụng. Đến kỳ tháng toán ngày 06/01/2022, ông T1 và bà T2 đã không trả nợ vay cho Ngân hàng theo quy định, toàn bộ khoản nợ vay trên bị chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông

báo và làm việc với ông T1 và bà T2. Tuy nhiên, ông T1 và bà T2 chỉ thanh toán cho ngân hàng được số tiền 13.992.169 đồng kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Thủy T1 và bà Nguyễn Thị Thùy V phải trả khoản nợ tạm tính đến ngày 18/4/2023 là 76.586.799 đồng (trong đó nợ gốc: 60.645.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn: 15.941.799 đồng) và khoản lãi phát sinh đến khi trả hết nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số HDTD6112020440 ký ngày 06/10/2020.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận, tính đến ngày 18/9/2023, số nợ của ông Nguyễn Thủy T1 và bà Nguyễn Thị Thùy V tổng cộng: 88.680.945 đồng (bao gồm tiền gốc: 60.645.000 đồng, tiền lãi quá hạn: 12.328.944 đồng, nợ lãi chậm gốc: 7.282.022 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 1.146.283 đồng), tiền lãi vẫn phát sinh từ ngày 19/9/2023 đến khi trả dứt nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn không thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cam Ranh phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để xét xử sơ thẩm đến trước thời điểm nghị án. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ việc.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả trả khoản nợ tạm tính đến ngày 18/9/2020 là 88.680.945 đồng (bao gồm tiền gốc: 60.645.000 đồng, tiền lãi quá hạn: 12.328.944 đồng, nợ lãi chậm gốc: 7.282.022 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 1.146.283 đồng) và khoản lãi phát sinh từ ngày 19/9/2023 đến khi trả dứt nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Về án phí: bị đơn chịu toàn bộ án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: theo tài liệu nguyên đơn cung cấp thể hiện các bên có giao kết Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD6112020440 ký ngày 06/10/2020, thời hạn vay 48 tháng, số tiền vay 100.000.000 đồng, mục đích: tiêu dùng – mua sắm đồ gia dụng, gốc trả hàng tháng vào ngày 06, lãi suất thả nổi (định kỳ 3 tháng điều chỉnh 1 lần), hình thức cho vay không có tài sản đảm bảo. Xét Hợp đồng Hợp đồng tín dụng số HDTD6112020440 ký ngày 06/10/2020 được các bên tự nguyện giao kết, nội dung và hình thức không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số HDTD6112020440 ký ngày 06/10/2020, bị đơn đã được giải ngân số tiền 100.000.000 đồng, đã trả gốc đến kỳ thanh toán ngày 06/01/2022 thì vi phạm nên chuyển sang nợ quá hạn. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[3.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc còn lại 60.645.000 đồng là phù hợp Điều 466 của Bộ luật dân sự và thỏa thuận của các bên nên chấp nhận.

[3.2] Về nợ lãi: Ngoài thỏa thuận lãi suất quá hạn theo Điều 2.4 của Hợp đồng tín dụng, các bên còn thỏa thuận tiền lãi do chậm trả lãi và tiền lãi trên dư nợ gốc quá hạn tại Điều 4.4 với lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm. Xét các thỏa thuận tính lãi trong hợp đồng là phù hợp với Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng N "*Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng*" được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Ngân hàng N. Như vậy, tính đến ngày 18/9/2023 số tiền lãi bao gồm: tiền lãi quá hạn: 12.328.944 đồng, nợ lãi chậm gốc: 7.282.022 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 1.146.283 đồng và số tiền nợ lãi vẫn phát sinh từ ngày 19/9/2023 đến khi trả dứt nợ. Xét yêu cầu nợ lãi nêu trên của Ngân hàng là phù hợp với các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD6112020440 ký ngày 06/10/2020, nên chấp nhận.

[3.3] Tổng cộng khoản nợ tính đến ngày 18/9/2023 ông Nguyễn Thủy T1 và bà Nguyễn Thị Thùy V phải trả cho Ngân hàng là 88.680.945 đồng (*tám mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng*).

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 4.434.000 đồng. H lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.915.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 13 thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng N "*Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng*" được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Ngân hàng N.

- Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Thủy T1 và bà Nguyễn Thị Thùy V phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền (gốc + lãi) tính đến ngày 18/9/2023 là 88.680.945 đồng (*tám mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng*) (bao gồm tiền gốc: 60.645.000 đồng, tiền lãi quá hạn: 12.328.944 đồng, nợ lãi chậm gốc: 7.282.022 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 1.146.283 đồng) và khoản lãi phát sinh từ ngày 19/9/2023 đến khi trả hết nợ vay theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD6112020440 ký ngày 06/10/2020.

2. Án phí: Bị đơn ông Nguyễn Thủy T1 và bà Nguyễn Thị Thùy V phải chịu án phí là 4.434.000 đồng (*bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm ba mươi tư nghìn đồng*), hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí là 1.915.000 đồng (*bằng chữ: một triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0000675 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Cam Ranh – tỉnh Khánh Hòa.

3. Quy định:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cam Ranh;
- Đương sự;
- THADS Tp. Cam Ranh;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiếu